

BÁO CÁO CÔNG KHAI NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH&THCS Lê Quý Đôn.
2. Địa chỉ: Số 09 đường Đèo Giang, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.
3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu: Trường thực hành sư phạm liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Tạo dựng được môi trường học tập hiện đại và thân thiện, có chất lượng giáo dục toàn diện và chuyên sâu; khuyến khích lòng say mê học tập và ý thức học tập suốt đời cho người học; đào tạo cho đất nước những con người toàn diện về nhân cách, trí tuệ, thể chất và kỹ năng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có các năng lực và phẩm chất để hội nhập quốc tế và thích ứng.

Trở thành một trong những trường có bề dày về truyền thống giáo dục toàn diện và có chất lượng cao, nơi mà mỗi học sinh, sinh viên đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và được phát triển toàn diện; là nơi nhà giáo luôn có khát vọng được cống hiến và học sinh, sinh viên luôn có khát vọng vươn lên, có truyền thống hiếu học.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục: Được thành lập tháng 4 năm 2019, hoạt động giáo dục từ năm học 2019-2020, đến nay.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Lê Minh Thắng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 09 đường Đèo Giang, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.

Số điện thoại: 0946595168

Địa chỉ thư điện tử: Thanglm168@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Cơ cấu tổ chức

- a) Lãnh đạo: Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn và trước pháp luật về cơ sở vật chất, trang thiết bị và toàn bộ hoạt động của đơn vị.

- Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng giao phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hiệu trưởng về những nhiệm vụ được phân công. Khi Hiệu trưởng vắng mặt, một Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền điều hành các hoạt động của đơn vị.

b) Các tổ chuyên môn

- Tổ Giáo dục tiểu học;
- Tổ Giáo dục trung học cơ sở;

c) Tổ văn phòng.

7.2. Biên chế, số lượng người làm việc

Biên chế, số lượng người làm việc của đơn vị nằm trong tổng biên chế, số lượng người làm việc của Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn được Sở Giáo dục và Đào tạo giao hằng năm trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của đơn vị.

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 808/QĐ-SGDĐT ngày 08/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số 430/QĐ-CDSP ngày 25/9/2024 của Trường CDSP Lạng Sơn về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường TH&THCS Lê Quý Đôn.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định số 222/QĐ-CDSP ngày 27/5/2024 của Trường CDSP Lạng Sơn về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường TH&THCS Lê Quý Đôn.

- Quyết định số 223/QĐ-CDSP ngày 27/5/2024 của Trường CDSP Lạng Sơn về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Lê Quý Đôn.

- Quyết định số 224/QĐ-CDSP ngày 27/5/2024 của Trường CDSP Lạng Sơn về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Lê Quý Đôn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật; tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước; tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội; thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tổ chức thực hành, thực nghiệm sư phạm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh Lạng Sơn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thường xuyên cho giảng viên, học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn; tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm khoa học giáo dục, chuyển giao công nghệ.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc: không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc:

- Họ và tên: Lê Minh Thắng

Chức vụ: Hiệu trưởng Trường TH&THCS Lê Quý Đôn

Địa chỉ nơi làm việc: Số 09 đường Đèo Giang, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.

Số điện thoại: 0946595168

Địa chỉ thư điện tử: Thanglm168@gmail.com

- Họ và tên: Nông Ngọc Hồi

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Lê Quý Đôn

Địa chỉ nơi làm việc: Số 09 đường Đèo Giang, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.

Số điện thoại: 0916298338

Địa chỉ thư điện tử: Nongngochoi@gmail.com

- Họ và tên: Ngô Bích Hồng

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Lê Quý Đôn

Địa chỉ nơi làm việc: Số 09 đường Đèo Giang, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.

Số điện thoại: 0912199328

Địa chỉ thư điện tử: Hongmay36@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 28

- CBQL: 03

- Giáo viên: 19

- Giảng viên: 6

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100 cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn

- CBQL: Trên chuẩn: 02; Đạt chuẩn: 01
- Giáo viên: Trên chuẩn: 5; Đạt chuẩn: 21

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 28/28 (100%).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Sử dụng cơ sở vật chất của Trường CĐSP Lạng Sơn.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Sử dụng cơ sở vật chất của trường CĐSP Lạng Sơn:

- 18 phòng học

- 02 phòng máy vi tính, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học Tự nhiên-Công nghệ.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: được Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6, lớp 7 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường sử dụng bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, riêng sách Tiếng Anh nhà trường sử dụng bộ sách iLearn smart world.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đang hoàn thiện hồ sơ thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ ngày; số lượng học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Khối	Số lớp	Số học sinh					Số TB học sinh/ lớp
		Tổng số	Nam	Nữ	Dân tộc Kinh	Dân tộc thiểu số	
6	2	76	35	41	21	55	38
7	2	77	48	29	24	51	38
8	2	59	33	26	22	38	30
9	2	62	37	25	21	42	31
Toàn trường	8	274	153	121	88	186	34

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

*** Khối Tiểu học**

Kết quả giáo dục: HS HT xuất sắc: $314/381 = 82,4\%$, HT tốt: $29/381 = 7,6\%$,
Hoàn thành: $38/381 = 10,0\%$

Tiếng Việt		Toán		Đạo đức		TN&XH		Âm nhạc	
HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành
349	32	355	26	373	8	214	10	379	2
91,6%	8,4%	93,2%	6,8%	97,9%	2,1%	95,5%	4,5	99,5%	0,5%
+2,1%	-2,1%	-1,2%	+1,2%	- 1,1%	+1,1%	- 2,3%	+ 2,3%	+1,8%	-1,8%

Công nghệ		Tin học		Công nghệ		Tin học		Công nghệ	
HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành
381	0	380	1	330	51	376	5	366	15
100%	0	99,7%	0,3%	86,6%	13,4%	98,6%	1,4%	96,1%	3,9%
0	0	+2,0%	-2,0%	-3,4%	+3,4%	+0,2%	-0,2%	-0,3%	+0,3%

Công nghệ		Lịch sử & Địa lý		Khoa học	
HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành	HT Tốt	Hoàn thành
231	3	155	2	156	1
97,7%	2,3	98,7%	2,3%	99,4	0,6%
-2,3%	+2,3%	-2,3%	+2,3%	+2,0%	-2,0%

Năng lực, phẩm chất: 100% từ Đạt trở lên

Tổng số học sinh		Phẩm chất chủ yếu									
Đầu năm	Cuối năm	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
		Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
377	381	381	0	381	0	363	17	379	1	376	4

Năng lực chung						Năng lực đặc thù					
Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		GQVĐ và sáng tạo		Ngôn ngữ		Tính toán		Khoa học	
Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
362	19	370	11	365	16	374	7	371	10	372	9

Năng lực đặc thù							
Công nghệ		Tin học		Thẩm mỹ		Thể chất	
Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
234	0	231	3	380	1	379	2

*** Khối THCS**

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Số HS được đánh giá, xếp loại	Kết quả học tập							
				Mức tốt		Mức khá		Mức đạt		Mức chưa đạt	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	2	76	76	37	48,7%	36	47,4%	3	3,9%	0	0,0%
7	2	77	77	31	40,3%	38	49,4%	7	9,1%	1	1,3%
8	2	59	59	22	37,3%	30	50,8%	6	10,2%	1	1,7%
9	2	62	62	18	29,0%	36	58,1%	8	12,9%	0	0,0%
Tổng	8	274	274	108	39,4%	140	51,1%	24	8,8%	2	0,7%

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Số HS được đánh giá, xếp loại	Kết quả rèn luyện							
				Mức tốt		Mức khá		Mức đạt		Mức chưa đạt	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	2	76	76	72	94,7%	4	5,3%	0	0,0%	0	0,0%
7	2	77	77	74	96,1%	3	3,9%	0	0,0%	0	0,0%
8	2	59	59	51	86,4%	7	11,9%	0	0,0%	0	0,0%
9	2	62	62	62	100,0%	0	0,0%	1	1,6%	0	0,0%
Tổng	8	274	274	259	94,5%	14	5,1%		0,0%	0	0,0%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào trường THPT, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Năm 2025 100% học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, 62 (100%) học sinh đăng ký thi THPT.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Phối hợp phòng Kế hoạch-Tài chính thu chi theo hướng dẫn của cấp trên.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

Không.